CHẾ ĐỘ ĐÃI NGỘ CỦA LÀNG XÃ VÙNG THANH - NGHỆ - TĨNH ĐỐI VỚI ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC NHO HỌC

NGUYỄN THỊ HẢI*

1. Mở đầu

Trong thời kỳ phong kiến tự chủ, tầng lớp Nho sĩ không chỉ được nhà nước trọng dụng mà còn được làng xã hết sức kính trọng. Bởi những ông Nghè, ông Cống, ông Cử là niềm tự hào của làng, của xã. Đặc biệt là đối với vùng đất có nhiều khó khăn nhưng lại là đất phát tích của nhiều anh tài như vùng Thanh - Nghệ - Tĩnh thì học tập là con đường được lựa chọn trước tiên để tiến thân. Vì thế, mỗi làng xã, dù khó khăn hay sung túc đều có những chế độ đãi ngộ đặc biệt đối với đội ngũ tri thức Nho học, nhất là những người thi cử đỗ đạt. Các chế độ đãi ngộ này được thể hiện qua các bản hương ước, tục lệ, điều lệ hay trong các văn bia còn lưu giữ tại các làng xã, dòng họ. Trong đó nổi lên là chế độ miễn trừ phu phen, tạp dịch, ban cấp ruộng đất hoặc hỗ trợ học phí, giấy mực đối với người đi học; chế độ đón rước và lễ mừng đối với người thi cử đỗ đạt; về vị trí chỗ ngồi chốn đình trung hay được lập văn bia tại các đình làng là những chế độ đặc biệt mà làng xã dành riêng cho những người thành danh trên chốn quan trường. Nhờ có những ưu đãi này mà vùng đất Thanh - Nghệ - Tĩnh (1) trở thành một trong các vùng quê có truyền thống hiếu học với nhiều người đỗ đạt nhất trong cả nước. Bài viết được giới hạn trong khoảng thời gian từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XX.

2. Khái quát về việc học và thi cử ở làng xã

Khởi đầu cho nền giáo dục khoa cử Nho học nước nhà là khoa thi "Minh kinh bác học" năm 1075 dưới triều Lý khi chưa có trường học của nhà nước. Đến năm 1076 trường Quốc Tử Giám được thành lập dưới thời vua Lý Nhân Tông, là nơi học tập cho con em tầng lớp quý tộc, quan lại và những người ưu tú. Điều đó cho thấy, trước khi có trường lớp do nhà nước thành lập, việc học ở các làng xã đã được chú trọng. Có thể là trường dạy ở các chùa, trường do những người biết chữ tự mở hay do cha truyền con nối.

Trường học ở địa phương, ngoài Kinh đô Thăng Long do nhà nước mở đầu tiên dưới thời Trần năm 1281 ở phủ Thiên Trường. Phủ Thiên Trường được xem là Kinh đô thứ hai của nhà Trần nên ngoài Trường Quốc Tử Giám ở Kinh thành Thăng Long, nhà Trần đã xây dựng ở đây một ngôi trường dành cho con em quý tộc. Các triều đại sau trường học ở các địa phương phát triển hơn thời Lý, Trần, nhất là thời Nguyễn hầu hết các tỉnh đều có trường công và có văn miếu thờ Khổng Tử (điều này được thể hiện rõ trong *Đại Nam nhất thống chí*). Tuy nhiên, những trường học này chỉ được mở ở trung tâm tỉnh thành, dành cho một số đối tượng có điều kiện, số sĩ tử còn lại chủ yếu là học tại các làng xã.

*TS. Viện Sử học, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam

Số lượng trường tư ở các làng xã do các nho sĩ chưa đỗ đạt hay các quan về hưu mở chiếm số lượng lớn. Việc học của các sĩ tử tại những vùng quê nghèo như Thanh - Nghệ - Tĩnh phụ thuộc rất nhiều vào các trường làng, do các *ông đồ* dạy. Vì thế, khi nói đến vùng Thanh - Nghệ - Tĩnh là nói đến *Ông đồ Thanh, ông đồ Nghệ,* những người tâm huyết với nghề dạy học, dốc lòng dạy dỗ học sinh tại các làng quê. Nhờ đó mà truyền thống hiếu học luôn được duy trì, và đề cao.

Song song với việc mở trường dạy học, nhà nước quân chủ cũng rất chú trọng đến tuyển chọn quan lại qua thi cử. Dưới thời Lý, giáo dục, khoa cử chủ yếu chú trọng ở vùng đồng bằng sông Hồng, vùng Thanh - Nghệ - Tĩnh lúc này được xem là vùng biên viễn nên chưa được quan tâm. Sang thời Trần, các chính sách về giáo dục ngày càng hoàn thiện và chú trọng hơn trước. Giáo dục ở các địa phương xa trung tâm Kinh đô cũng được đề cao. Dưới thời vua Trần Thái Tông đã đề ra chính sách "lấy Hoan, Ái làm các châu ở xa, giáo dục chưa được thấm nhuần, nhân tài không nhiều bằng ở các kinh trấn, nên mỗi khoa thi lấy người giỏi nhất về bên Trại gọi là Trại trạng nguyên cho ngang hàng với Kinh Trạng nguyên để tỏ ý khuyến khích" (2). Vì vậy, năm Bính Thìn (1256), nhà Trần bắt đầu mở khoa thi lấy Kinh, Trại Trạng nguyên, mỗi bên một người, trong đó Thanh Hóa, Nghệ An là Trại. Năm Bính Dần (1266), vua Trần Thánh Tông tổ chức thi Thái học sinh. Khoa này lấy Bạch Liêu (người xã Nguyễn Xá, huyện Đông Thành, nay là xã Mã Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An) (3) đỗ Trại Trạng nguyên, ông được xem là vị "tổ khai khoa" của xứ Nghệ.

Trong các thế kỷ XV-XVIII, với chính sách trọng hiền, trọng khoa cử, Nhà nước quân chủ đã tạo điều kiện cho tầng lớp nho sĩ xứ Thanh - Nghệ - Tĩnh học hành, thi cử và tham gia vào bộ máy chính quyền trên hầu hết các lĩnh vực. Chỉ tính riêng thời Lê sơ, từ khoa Bính Tuất (1466) đến khoa Mậu Thìn (1508), Nghệ An có 11 người đỗ Đại khoa. Đến thời Nguyễn, trong số 39 khoa thi Hội thì Nghệ An có 291 tiến sĩ. Nếu tính phần trăm số người thi đỗ đại khoa dưới thời Nguyễn thì Nghệ An và Hà Tĩnh là địa phương luôn đứng đầu, xét theo tỷ lệ dân thì cao hơn nhiều tỉnh ở đồng bằng sông Hồng: Nghệ An là 91 người đỗ đại khoa trên số dân là 80.170 người (chiếm 0.11%), Hà Tĩnh là 44 người trên số dân là 17.188 người (chiếm 0,26%) (4). Thanh Hóa có 204 vị đỗ đại khoa trong các thời kỳ (tính cả Trương Công Phụ và Trương Công Phục) (5). Vì thế Nguyễn Văn Siêu đã khẳng định về kẻ sĩ đất Hoan Châu (6) khi soạn văn bia về Bùi Dương Lịch năm 1866 rằng "đất Hoan Châu như Trâu Lỗ nước Nam, nhân tài phát đạt, đều ra gánh việc nước nhà… Tiến cử người dùng vào việc lớn quốc gia, đều từ kẻ sĩ đất Hoan Châu, không thể kể hết. Phần nhiều là danh thần, vũ công, văn trị, làm quan gương thanh sạch" (7).

3. Chế độ đãi ngộ đối với đội ngũ tri thức Nho học

Nếu như nhà nước thực thi quản lý xã hội và thực hiện các chính sách đãi ngộ đối với các tầng lớp nhân dân bằng các điển chế, pháp luật thì mỗi làng xã lại dựa trên những quy định đó của nhà nước để lập ra những hương ước riêng để quản lý mọi vấn đề trong nội bộ của làng. Một trong những yêu cầu quan trọng của việc lập hương ước, soạn văn bia ở làng xã phải đảm bảo người biên soạn phải có trình độ học vấn nhất định, nội dung theo đúng luật lệ của nhà nước và bảo vệ quyền lợi chung của cộng đồng làng xã: "Tất phải nhờ vào những người có học thức, có đạo đức, cao tuổi; thì khoán ước đó mới có thể thi hành. Khi

khoán ước điều lệ đã lập ra thì phải trình lên để các quan xem xét các điều khoản có thể tuân theo được hay không, rồi mới phê chuẩn giao cho thi hành. Nếu thấy trong khoán ước có tà ý vì lợi ích riêng thì phê chữ "Bác" để tránh nảy sinh gian kế" (8). Vì lẽ này mà các làng xã đều rất coi trọng việc học, làng nào cũng muốn có người đỗ đạt để viết hương ước, soạn văn bia. Điều đó không chỉ đem lại vinh dự cho người viết mà còn mang lại tự hào cho làng xã.

Hầu hết các bản hương ước, khoán ước hay văn bia hiện nay còn lưu giữ trong các làng xã, nhất là các làng xã vùng Thanh - Nghệ - Tĩnh đều có niên đại sớm nhất từ thế kỷ XVII đến đầu thế kỷ XX. Nội dung các bản hương ước, văn bia phản ánh nhiều vấn đề của làng xã, trong đó vấn đề giáo dục và thể hiện sự đãi ngộ, ý thức tôn trọng sự học của làng xã đối với những người đỗ đạt và đội ngũ tri thức được dành những dung lượng không nhỏ. Chế độ đãi ngộ được thể hiện trong hương ước qua các điều khoản về ngôi thứ, học vụ, về thứ bậc, lệ biếu, lệ chúc mừng và trong cả các điều khoản về ruộng đất. Nội dung trong các văn bia cũng thể hiện rõ sự tôn trọng của làng xã đối với những người đỗ đạt. Trên các văn bia còn lưu giữ tại các đình làng đều ghi chép khá rõ về tên tuổi, khoa thi thậm chí có những văn bia còn ghi chép về hành trạng của những người đỗ đạt. Việc khắc bia đề tên tiến sĩ qua các khoa thi là một chế độ đãi ngộ đặc biệt của làng xã đối với những người thành danh trên con đường khoa cử Nho học.

3.1. Chế độ đãi ngộ của nhà nước

Trải qua các triều đại từ Lý, Trần, Hồ, Lê Sơ đến Lê Trung hưng, Tây Sơn và nhà Nguyễn, nhà nước luôn chú trọng đến việc học hành, khoa cử, vì "Hiền tài là nguyên khí của quốc gia. Nguyên khí thịnh thì thế nước mạnh mà hưng thịnh. Nguyên khí suy thì thế nước yếu mà thấp hèn. Bởi thế các bậc đế vương thánh minh chẳng ai không coi việc kén chọn kẻ sĩ, bồi dưỡng nhân tài, vun trồng nguyên khí làm công việc cần kíp" (9). Bởi vì kẻ sĩ có quan hệ trọng đại với quốc gia nên nhà nước đưa ra rất nhiều biện pháp, chính sách nhằm khuyến khích và ưu ái đối với những người học hành đỗ đạt, trọng dụng họ vào những vị trí trọng yếu của đất nước. Ngoài việc cất nhắc, bổ dụng những người thi đỗ vào các chức quan, được hưởng bổng lộc theo quy định của nhà nước dành cho quan viên, thì nhà nước trung ương còn có nhiều hình thức đãi ngộ nhằm khuyến khích các sĩ tử, tạo động lực cho những người theo học. Chẳng hạn như: Năm 1442 quy định dựng bia tiến sĩ, những Tiến sĩ tân khoa sẽ được ban mũ áo, được ban yến ở vườn Quỳnh Lâm, được cấp ngựa tốt, lính hầu đưa về quê để làm lễ vinh quy bái tổ. Đến năm 1493, nhà vua ban cờ tam khôi cho các tiến sĩ, đồng thời có thêm lễ xướng danh ở cửa nhà Thái học, treo bảng vàng ghi họ tên các vị tân khoa Tiến sĩ ở cửa Đông Hoa (10). Đến thời Lê Trung hưng (1533-1789) chính sách đãi ngộ được quy định rõ ràng hơn với nhiều hình thức rất trọng hậu như:

1. Ban cho mũ áo, cân đai triều phục; cho vinh quy về quê quán, có đủ các hạng cờ quạt, nghi trượng, phường trống, phường nhạc đón rước;

2. Quan viên có trách nhiệm bắt dân làng dựng phủ đệ cho Tiến sĩ;

3. Không những người đỗ Tam khôi hoặc ứng thí Chế khoa trúng cách, được bổ vào Viện Hàn lâm, mà cả người đỗ đồng Tiến sĩ cũng được bổ chức quan khoa đạo, không phải bổ làm quan ở phủ, huyện;

4. Trong mỗi khoa một người đỗ trẻ nhất được bổ chức Hiệu thảo;

5. Người nào được bổ làm quan ở ngoài các trấn thì bổ vào hai ty Thừa chính hoặc Hiến sát, thì đều được trao Chưởng ấn chính thức, không phải giữ chức tá nhị" (11).

Không chỉ những người đỗ đạt mà ngay cả những người có học, biết đọc sách, đã thi đỗ dù ở hạng thấp cũng được miễn thuế, miễn lao dịch. Vua Lê Thánh Tông đã từng ban chỉ dụ: "từ nay trở đi phàm học trò đã từng đọc sách, biết làm văn mà có hạnh kiểm, đã thi đỗ và được miễn tuyển, thì tha cho nửa phần thuế và sai dịch, để rộng thêm y đức của triều đình nuôi dạy nhân tài" (12).

Đây là cơ sở để các địa phương thực hiện các chế độ đãi ngộ đối với các Nho sĩ đỗ đạt ở địa phương mình, nhất là vùng Thanh - Nghệ - Tĩnh là nơi có nhiều người thành danh chốn quan trường, nơi dù nghèo khó nhưng vẫn luôn đặt việc học hành là ưu tiên hàng đầu, coi con đường tiến thân bằng khoa cử là con đường vinh quang nhất cho bản thân, gia đình, dòng họ và làng quê.

3.2. Chế độ đãi ngộ của làng xã

Trên cơ sở các chế độ đãi ngộ của nhà nước đối với các Nho sĩ (chủ yếu với người đỗ đạt), ở các làng xã vùng Thanh - Nghệ - Tĩnh cũng đưa ra những chế độ riêng đối với đội ngũ tri thức Nho học trong làng nhằm khuyến khích tinh thần học tập ở địa phương. Cụ thể như sau:

Hỗ trợ kinh phí cho người học và đi thi

Mặc dù vùng Thanh - Nghệ - Tĩnh là vùng đất rất khó khăn, nhưng nơi đây lại có tinh thần hiếu học và tỷ lệ học sinh thi cử đỗ đạt gần như đứng đầu cả nước trong các thế kỷ trước. Để khuyến khích việc học, làng xã vẫn dành một phần công quỹ hỗ trợ học sinh hiếu học. Điều này được thể hiện rõ trong hương ước các làng xã, như hương ước làng Mỹ Phong, tổng Lai Triều, huyện Nông Cống (nay là làng Thanh Bình, xã Tân Thọ, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa) lập năm 1901. Hương ước nêu rõ: người trong xã tình nguyện xin đi học, được bản xã cấp tiền mua giấy bút, mỗi năm là 3 quan. Nếu giả danh đi học, thay bằng người khác thì sẽ bị phạt 6 quan, thu tiền tăng gấp đôi (13). Hương ước xã An Tốn Hạ (Vĩnh Lộc, Thanh Hóa) quy định: con em trong xã, người nào tình nguyện theo học, trừ con nhà giàu, còn con nhà nghèo không có ruộng riêng từ một sào trở xuống, có thể theo học trường công, mỗi năm dân xã cấp cho tiền giấy hết một đồng hai hào để khuyến khích học tập tiến bộ (14). Đồng thời, người theo học không phải làm ruộng, nếu người nào đã theo học mà vẫn làm việc nông tang thì phạt 6 mạch tiền kẽm, đình chỉ không cho theo học. Hương ước làng Nhân Vực (xã Hoằng Hợp, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa) ghi: trong làng nhà nghèo mà học giỏi hay công nghệ giỏi có thể làm gương cho đời sau thì được thưởng. Có hai cách thưởng: thưởng cho người học giỏi tiền bút giấy hàng năm 4 đồng, thưởng cho người giỏi công nghệ 10 đồng (15). Ở Hà Tĩnh, nhiều làng còn quy định rõ đối với con trai từ 7 đến 13 tuổi phải được đi học, trừ những gia đình quá nghèo, còn lại với những nhà có điều kiện hơi khá mà không cho con cháu đi học thì Lý trưởng và Hương hội xem xét trình với bản xã, đến nói rõ cho người ấy hiểu mà cho đi học. Nếu đã đến nói hàng tuần rồi, người ấy không có trở ngại gì mà vẫn không cho con đi học, bắt phạt 5 quan sung vào công quỹ. Nếu cha đã mất, thì chú bác anh em hoặc mẹ phải chịu lệ phạt ấy (16).

Nhiều làng còn mời thầy giáo có trình độ về dạy học cho con em trong làng. Làng sẽ dành một khoản ruộng đất (còn gọi là ruộng học điền) để trả chi phí cho Thầy, như thể lệ của làng Phú Văn (huyện Yên

Thành, tỉnh Nghệ An) cấp cho 3 sào ruộng công để khuyến khích việc học của làng (17). Hương ước làng Phù Lưu Thượng (huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh) cũng ghi rõ: Làng để ra 4 mẫu 10 thước ruộng công để làm ruộng khuyến học, giao cho trưởng xóm cày cấy, lấy hoa lợi nuôi thầy. Thầy giáo là cử nhân tú tài được mời về dạy cho con em trong xã. Lại đặt ra lệ cho vay lấy lãi, mỗi vụ thu lãi 15 quan để làm "lễ thúc tu" (tức tiền quà bánh) cho thầy giáo. Có hoa lợi của ruộng này thì tiền học của học trò phải chịu sẽ được giảm đi hay bỏ hẳn (18).

Miễn phu phen tạp dịch cho người đi học

Hương ước ở các làng đều phản ánh một thực tế là nhiều làng xã đã ban hành thể lệ và thực hiện chế độ miễn trừ phu phen, binh lính, các việc tạp dịch hương tiền và phụ dưỡng khi đến tuổi thực hiện nghĩa vụ để tiện việc học tập. Có thể thấy rõ những ân điển đó qua nội dung hương ước của các làng Quỳnh Đôi (huyện Quỳnh Lưu), làng Phú Nghĩa (huyện Quỳnh Lưu), hương ước làng Xuân Lai (huyện Yên Thành), làng An Trạch (Yên Thành) tỉnh Nghệ An… Điều 16, Hương ước thôn Phú Nghĩa ghi rõ: "Hễ là các sĩ tử trong thôn thì các loại tạp dịch thuế thân đều được miễn để tiện việc theo học, cũng là một phong tục tốt đẹp để bồi dưỡng nhân tài… Đối với người đang theo học thì các việc tạp dịch hương tiền và phụ dưỡng đều được miễn trừ" (19). Hoặc theo quy định làng An Duệ (huyện Yên Thành) thì: học trò đi học đã đến tuổi gánh vác, gia hạn cho thêm 10 năm nữa, không kể là có bằng cấp đỗ hạch hay không đều cho miễn hết các việc sai dịch (20). Mức miễn trừ các khoản thuế, phu phen nhiều ít phụ thuộc kết quả khảo hạch năng lực học trò của các làng, và phụ thuộc quy định của từng làng. Theo Quy ước làng Quỳnh Đôi (Quỳnh Lưu) bổ sung năm Mậu Thân (1768) thì: Ai đậu hạng ưu thì việc công dịch cốt cả 3 năm được trừ; hạng bình trừ nửa năm, hạng thứ trừ ba tháng. Còn những người chưa đến tuổi việc quan trọng mà đỗ thì làng tuỳ từng hạng mà thưởng giấy cho (21). Đối với việc nộp thuế thân, đây là thứ thuế của quốc gia hầu như học trò không được miễn đóng góp hoàn toàn mà được giảm trừ phần nào. Như quy định làng Quỳnh Phú thì đối với khóa sinh được trừ nửa năm, thí sinh tham dự thi cử thì trừ 1 năm, người đỗ nhất trường, nhị trường (trong kì khảo hạch) được trừ 3 năm (22). Tuy nhiên, ở nhiều địa phương để được miễn trừ các loại siêu thuế tạp dịch, các nho sĩ phải trải qua các kỳ thi sát hạch ở làng. Chẳng hạn như ở Quỳnh Đôi (Quỳnh Lưu, Nghệ An) quy định: "Từ nay hàng năm đến đầu xuân, độ chừng trung tuần, chọn ngày tốt, sáng mai đánh ba hồi trống to, các thầy Nho sinh, Hiệu sinh, đều mang lều chiếu đến đình trung, làng ra bài cho làm. Nếu ai đậu hạng ưu thì việc công dịch trừ suốt cả năm, đậu hạng bình thì trừ nửa năm, đậu hạng thứ thì trừ công dịch ba tháng. Từ nay phải cứ theo lệ làng mà làm vì cũng là thiên chính của triều đình để khuyến khích kẻ học trò, để chấn hưng văn phong của làng, lúc nào cũng không thể bãi bỏ được,… (23).

Làm lễ cho các sĩ tử

Ở một số làng, trước mỗi kỳ thi, làng tổ chức thực hiện nghi thức *cầu khoa* tại miếu làng, cấp cho người phu, cấp tiền giấy mực phục vụ việc đi thi. Trong hương ước của làng Phú Văn (huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An) quy định: Gặp khoa thi Hương, Tú tài và sĩ nhân đi thi làng biện xôi trầu rượu ba mâm cùng đến miếu làm lễ cầu khoa. Cử nhân đi thi Hội thì biện 5 mâm lễ phẩm 10 mâm xôi (24). Đối với việc cấp phu, theo quy định của làng Phú Nghĩa (huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An) thì khi sĩ tử vào trường thi, cứ 2 người đi thi cấp cho 1 phu, 4 người thì cấp cho 2 phu để khiêng lều chõng đi thi,

lại cấp tiền giấy mực cho mỗi người 3 quan (25), làng Phú Văn cũng cắt cho 2 phu cáng võng lên tỉnh (26).

Lễ vinh quy bái tổ đối với người thi cử đỗ đạt

Khi sĩ tử dự các khoa thi Hương, thi Hội mà đỗ đạt, giành học vị thì được làng chuẩn bị nghi trượng đón tiếp chu đáo, ban thưởng cho tiền, mâm cỗ, hay các lễ vật. Tất nhiên, phụ thuộc vào học vị đỗ cao hay thấp, tùy thuộc quy định của từng làng mà mức hưởng các ân điển này nhiều ít có khác nhau giữa các Nho sinh.

Trong hương ước xã Bồng Trung (Vĩnh Lộc, Thanh Hóa) quy định: ai đến kỳ thi dự trúng tú tài trở lên, bản xã đem đủ nghi trượng tiếp đón. Tiến sĩ trở lên đón ở lị sở của bản tỉnh, cử nhân đón ở đầu huyện, tú tài đón ở đầu xã. Về lễ mừng, tiến sĩ trở lên mừng trị giá 10 quan, cử nhân trị giá 6 quan, tú tài trị giá 1 quan 2 tiền (27).

Theo lệ của làng Quỳnh Đôi (Nghệ An) được bổ sung năm Minh Mệnh thứ 27 (1826) thì tất cả những người thi đỗ từ đỗ Tứ trường thi Hương, khi về đến chợ Bèo của làng thì được làng sắm sửa nghi trượng đón rước về đến tận nhà để tỏ lòng trọng đạo.

Làng Thiện Kỵ (huyện Quỳnh Lưu, Nghệ An) có lệ: Thi Hương, thi Hội trong làng có trúng tuyển thì khi có thư mừng, báo tin, nổi trống đình để mọi người biết, ngày vinh quy thì kỳ lão, lý dịch, cờ trống nghinh tiếp. Tú tài thì đón ở đầu làng, Cử nhân, phó bảng thì rước từ điếm Yên Quỳnh (cách làng Thiện Kỵ 7km). Được ân tứ Tiến sĩ xuất thân cập đệ thì rước từ địa phận Bàu Hậu (cách làng Thiện Kỵ 10 km) (28).

Làng Xuân Lai, huyện Yên Thành có hình thức đón rước riêng dành cho con em trong làng thi đỗ, theo đó ai trúng Cử nhân thì làng cử hương sắc 2 người, 4 người phu đến tận trường thi đón về. Ai trúng Tú tài thì làng cử một người hương sắc và 2 phu đến phủ thành đón rước (29).

Không chỉ được đón rước từ trường thi hay bản tỉnh mà nhiều làng xã còn có tiền và lễ vật mừng cho các vị tân khoa: như Hương ước thôn Xa Lý, xã Ngọ Xá (nay thuộc xã Thăng Bình, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa) soạn năm 1896 cho biết: Bên văn đỗ đại khoa thì dân thôn đem kiệu rồng, cờ, trống, đồ khí tế đến tỉnh đón về, mừng tiền 50 quan, một câu đối trị giá 20 quan. Đỗ Cử nhân thì dân thôn đem cờ, trống, đồ tế khí đến huyện đường đón về, mừng tiền là 30 quan, một đôi câu đối trị giá 20 quan. Nếu đỗ Tú tài thì dân đem cờ, trống đến xã nửa ngày đón mừng vinh quy, mừng tiền 20 quan, một đôi câu đối bằng lụa đỏ. Thí sinh thi đỗ Tam trường thì dân thôn mừng tiền 3 quan, Khóa sinh bị loại thì tiền ấy dân thôn phải chịu (30).

Làng Hào Kiệt (thuộc huyện Đông Thành cũ) quy định: người đỗ Tú tài được đón tiếp ở cầu Nho Lâm (cách làng Hào Kiệt 9km) và mừng tiền 6 quan; đậu Cử nhân được đón tiếp ở Gò Quán (cách làng 16km) và mừng tiền 10 quan; đậu Phó bảng được đón tiếp ở địa phận Cấm Giang (cách làng 16km) và mừng tiền 15 quan; đậu Tiến sĩ được đón tiếp ở tỉnh (cách làng 50 km) và mừng tiền 20 quan (31).

Làng Viên Sơn, huyện Yên Thành (Nghệ An) quy định: Ai thi đỗ đại khoa văn hoặc võ, làng đều mừng 30 quan tiền và mua trầu rượu 1 quan 2 tiền, đi đón rước từ bản tỉnh. Ai đỗ Cống sinh (Cử nhân) thì làng mừng 12 quan tiền, và mua trầu rượu 6 tiền, đi đón rước từ làng quan lộ, cử nhân võ thì mừng 6 quan tiền và trầu rượu 6 tiền, đi đón từ địa phận cách làng khoảng 12km. Ai đỗ Tú tài thì mừng 3 quan và mua trầu rượu 6 tiền, đón rước cách làng 4km (32).

Ở Hà Tĩnh, hầu hết hương ước các làng không nói đến nghi thức đón rước mà chỉ nói đến tiền mừng. Duy chỉ có làng Phù Lưu Thượng, huyện Can Lộc có chế độ đón rước và quà mừng rất trọng hậu: "Văn sĩ đỗ đại khoa nhất giáp mừng tiền 40 quan, một bức trướng giá tiền 25 quan. Đỗ nhị giáp mừng tiền 30 quan, một bức trướng trị giá 20 quan, đỗ tam giáp mừng tiền 20 quan, một bức trướng 15 quan. Người đỗ phó bảng, mừng tiền 20 quan, một câu đối trị giá tiền 3 quan, ngày vinh quy bản xã ở kỳ đầu sai người đem nghi trượng, cờ trống và đinh phu 50 tên đến bản tỉnh đón rước để được long trọng. Đỗ cử nhân mừng tiền 10 quan, đôi câu đối trị giá 2 quan. Người đỗ tú tài mừng tiền 6 quan, trầu rượu trị giá 6 mạch, ngày hôm sau, ngay sau khi đăng tên trên bảng, bản xã sai người đem nghi trượng, cờ trống và 30 tên đinh phu đến địa giới bản huyện đón rước" (33).

Chế độ đón rước và ban thưởng không chỉ dành riêng cho những người đỗ đại khoa mà ngay cả những người trúng Tam trường, Nhị trường cũng được thôn xã đi đón rước. Như ở thôn Đồng Lương (thuộc huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa): Trúng tam trường vẫn được thôn xã đi đón, mừng một miếng thịt lợn, một mâm xôi và trầu rượu trị giá ba quan. Trúng tứ trường được đón với nghi vệ cao hơn và làm lễ mừng trị giá là năm, sáu quan để chấn hưng văn phong (34). Đặc biệt xã Bồng Trung (Vĩnh Lộc) những người đỗ tiến sĩ, xã phải tổ chức lễ mừng và phải đến tận nhà thờ để yết gia tiên của ông Nghè trước (35). Đó là những vinh dự đặc biệt mà làng xã dành cho những người thi cử đỗ đạt, vì lẽ đó mà con dân trong làng đều chăm chỉ học hành, không chỉ để có con đường tiến thân mà còn mang lại vinh dự cho gia đình, dòng họ và là vinh dự của cả làng, xã.

Lễ biếu của làng

Không chỉ được thưởng tiền, bức trướng, cắt cử người đón rước, vào những dịp lễ quan trọng của làng, các Nho sĩ, các nhà khoa bảng còn được nhận một phần lễ nhất định của làng. Dân gian có câu "một miếng giữa làng bằng một sàng xó bếp", nên ở mỗi làng quê việc được nhận lễ biếu của làng là một vinh dự rất lớn. Theo lệ kính biếu của làng Phú Nghĩa, nếu là người đỗ Tiến sĩ sẽ được biếu chiếc đầu bò; Phó bảng, Cử nhân thì được biếu chiếc nọng bò; Tú tài và ấm sinh thì biếu cho chiếc vai bò. Khi ngồi mâm, họ được sắp xếp ngồi với các vị hương lão của làng, trong đó hương lão từ 90 tuổi trở lên cùng ngồi với cử nhân, 80 tuổi trở lên cùng ngồi với tú tài (36).

Điệu lệ xã Nhân Canh, huyện Kỳ Anh cũng cho biết: "người đỗ đạt thì thủ lợn biếu người đó. Nếu thịt bò thì thủ để biếu quan trên, cổ kính biếu những người đỗ đạt" (37).

Những người đỗ đạt ngoài việc được nhận những lễ biếu vào các ngày trọng đại trong làng, còn được làng mừng cho bức trướng và tiền mặt, nhiều ít có khác nhau. Ở xã Mỹ Phong, huyện Nông Cống, có lệ: người thi đỗ đại khoa được bản xã mừng 10 quan tiền, thi đỗ trung khoa được mừng 8 quan tiền. Thi đỗ tiểu khoa mừng 6 quan tiền, thi đỗ nhất, nhị trường được mừng 3 quan tiền. Khi có tin người trong xã thi đỗ đại trung tiểu khoa, Lý trưởng phải sức cho dân xã ăn mặc chỉnh tề đi đón về tận nhà (38).

Ở làng Xuân Lai, huyện Yên Thành tỉnh Nghệ An thì: Nếu đỗ đại khoa được mừng 1 bức trướng, 20 quan tiền; phó bảng nhận được 8 quan; Cử nhân được nhận 6 quan; Tú tài nhận 3 quan nhưng được quy đổi thành một bức trướng.

Một số làng còn có lệ biếu ruộng cho những người thi cử đỗ đạt, như địa bạ xã Tư Lễ cho biết "ai đỗ tú tài biếu 5 sào, đỗ cử

nhân biếu 1 mẫu, phó bảng 1 mẫu 5 sào, tiến sĩ 2 mẫu" (39).

Tại làng Phù Lưu Thượng (Can Lộc) ngoài số ruộng khuyến học, làng còn có 5 mẫu ruộng quan viên. Số ruộng này chiểu cứ khoa trường và quan viên văn võ mà chia ra các hạng khác nhau cấp cho như: khoa trường đệ nhất giáp 5 phần, đệ nhị giáp 4 phần, đệ tam giáp 3 phần, phó bảng, cử nhân 2 phần, tú tài 1 phần, văn nhị phẩm, võ nhị phẩm được hưởng phần như người đỗ nhất giáp; văn tam phẩm, võ tứ phẩm được hưởng phần như người đỗ nhị giáp; văn tứ phẩm võ tam phẩm được hưởng như người đỗ tam giáp (40).

Được làng bố trí những vị trí khác nhau

Đối với những Nho sĩ đỗ đạt khoa cử, có trình độ Nho học đều được làng ưu ái dành cho vị trí quan trọng trong chốn đình trung. Ở làng xã, đình làng là nơi quan trọng, thể hiện rõ sự kính trọng của làng đối với các tầng lớp trong xã hội. Tại đây, ngoài trọng tuổi thì người dân luôn đưa trọng học lên trước rồi mới đến trọng chức vụ. Nhiều nơi như Hoằng Lộc (Hoằng Hóa, Thanh Hóa) dù quan Thượng thư nhưng chỉ đỗ Cử nhân thì cũng phải ngồi mâm dưới sau Tiến sĩ (41). Đối với nhiều làng, tùy vị trí đỗ đạt, con đường quan lộ cao thấp khác nhau mà những Nho sĩ này được sắp xếp vị trí phù hợp, như quy định của làng An Lạc (huyện Nam Đàn) thì: khoa mục văn giai đã làm quan, chưa làm quan lấy ưu thứ làm thứ tự trên dưới…; hương lý, kỳ hào thí sinh, ấm tử, nho sinh… ngồi ở gian phía đông; khóa sinh, biền binh, viên tử, thầy nho ngồi gian phía tây (42). Hoặc theo quy định của thôn Phú Nghĩa thì: Gian giữa trong đình chiếu trên dành cho Tiến sĩ trở lên, chiếu giữa cho Cử nhân; chiếu dưới là Tú tài, xuất thân, ấm sinh (43).

Ở Hà Tĩnh, các làng xã cũng rất coi trọng vị trí chốn đình làng. Điều 3, Hương ước xã Vĩnh Lại (Cẩm Xuyên) ghi rằng "thứ tự chỗ ngồi trong đình chia làm 4 hàng: Văn thân và khóa sinh một hàng, quan võ giai và binh sĩ một hàng, viên mục và tổng xã một hàng, các kỳ lão do xã bầu lên và dịch mục cũ một hàng" (44). Điều lệ xã Nhân Canh (Kỳ Anh) điều 10 ghi rõ hơn và chứng tỏ hơn sự quý trọng việc học hành thi cử: "Văn miếu là nơi lấy văn làm chính. Gian giữa (bái đường) nếu không phải là người có khoa bảng thì không được vào dự. Bên trái văn miếu là các vị cai phó tổng, hội mục, kỳ lão (70 tuổi trở lên) tổng mục, sung biện, lý trưởng, thí sinh cũ mới. Bên phải là phó lý cũ mới (45). Làng Phù Lưu Thượng (huyện Can Lộc) còn quy định cả chỗ ngồi tại Từ vũ và tại đình trung đều dành gian chính giữa là chỗ ngồi của các viên khoa trường hay các quan viên văn võ khoa trường (46). Thôn Xuân Trì, xã Sơn An, huyện Hương Sơn (Hà Tĩnh) khi xếp thứ tự chỗ ngồi chốn đình trung quy định: "gian chính giữa bệ thứ nhất là các viên đỗ đại khoa, phó bảng hoặc quan văn võ từ tứ phẩm trở lên. Nếu không có người như trên thì người đỗ cử nhân, văn khoa và người thuộc văn võ chính đồ có phẩm hàm ngũ lục, thất, bát phẩm hoặc là quan võ có phẩm hàm lục phẩm được ngồi. Bệ thứ hai các viên tú tài, cống sinh, cử nhân võ khoa chính đồ, quan văn có hàm cửu phẩm" (47).

Điều đó cho thấy, ở chốn đình trung, làng xã vẫn dành vị trí ưu tiên cho các nhà khoa bảng, cho những người có học hành, những người già cả. Những ông quan to chỉ xếp ngang với những người đỗ đạt cao, học giỏi. Vì thế, dù nghèo khó nhưng người dân trong các làng xã đều cố gắng phấn đấu học hành để không những bản thân được trọng vọng mà gia đình cũng được nở mày nở mặt.

Lập bia ghi danh

Ở các làng xã cũng thể theo nhà nước lập bia ghi danh những người đỗ đạt, làm rạng danh quê hương, dòng họ. Các văn bia về khoa bảng hay bia văn miếu, bia ở nhà

thờ các Tiến sĩ tại các dòng họ hoặc tại đình làng thể hiện nhất sự tôn trọng của làng xã đối với những người đỗ đạt. Chẳng hạn như bia Văn hội huyện La Sơn (Hà Tĩnh) cho biết các vị trong Văn hội huyện La Sơn gồm 67 vị, trong đó có hai tiến sĩ là Phan Như Khuê và Nguyễn Hành. Bia Nhâm Thìn khoa Tiến sĩ đề danh bi ký ở xã Lai Thạch huyện La Sơn, nay thuộc huyện Can Lộc dựng năm 1772 ghi 12 vị tiến sĩ khoa Nhâm Thìn; Bia khoa bảng "Văn bia khoa giáp", xã Kiệt Thạch, huyện Can Lộc dựng năm 1755: ca ngợi đây là mảnh đất khoa bảng, có nhiều vị đỗ đại khoa như Hoàng Hiền, Nguyễn Cung, Thái Kính; Bia *Khoa bảng tục bi* ở nhà thờ Nguyễn Văn Trình, xã Song Lộc, huyện Can Lộc dựng năm 1922 cũng ghi rõ những người đỗ đạt khoa cử của dòng họ như Nguyễn Liên, Nguyễn Lương Cẩn, Nguyễn Quýnh (48); Bia tiến sĩ Nguyễn Xuân Đản đỗ năm 1916 tại nhà thờ của dòng họ, hay bia Tống tiến sĩ, người xã Trung Cần, huyện Thanh Chương đỗ tiến sĩ năm 1505; Ở Thanh Hóa cũng còn giữ được nhiều bia ghi danh những người đỗ đạt và đề cao thầy dạy học như bia thầy học Lê Văn Linh ở xã Thọ Hải, huyện Thọ Xuân; bia thầy Nguyễn Công Trai huyện Đông Sơn, bia nhà thầy học Đạm Trai tiên sinh, bia mộ Binh bộ thượng thư, Bảng nhãn Lê Văn Hưu ở huyện Đông Sơn; bia Tể tướng Tiến sĩ Lê Hy, xã Đông Khê, huyện Đông Sơn; bia vuông bốn mặt ở xã Hoàng Giang, huyện Nông Cống ghi danh 3 đời tiến sĩ Lê Nghĩa Trạch, Lê Nhân Triệt, Lễ Sĩ Cẩn,... Ngoài ra, ở các làng xã còn có các nhà thờ để thờ thành hoàng làng và tôn vinh các vị khoa bảng như Bảng Môn đình ở xã Hoằng Lộc (huyện Hoằng Hóa) hay các văn từ, văn chỉ ở các làng xã. Điều đó cho thấy rõ sự tôn trọng đạo học, đề cao những người đỗ đạt của làng xã. Việc lập bia, xướng danh và đón rước là chế độ đãi ngộ đặc biệt của làng xã cũng như của nhà nước đối với các Nho sĩ thời xưa.

4. Nhận xét

Đội ngũ trí thức luôn là lực lượng được các triều đại quân chủ Việt Nam hết sức quan tâm và trọng dụng bởi lẽ đây là trụ cột của quốc gia, là rường cột của các triều đại. Để đội ngũ tri thức ngày càng đông đảo và phát huy hết sở học của mình phục vụ cho đất nước, các triều đại quân chủ Việt Nam đã luôn đưa ra các chính sách đãi ngộ rất trọng hậu. Trên cơ sở đó, các làng xã cũng có những hình thức khuyến khích tương ứng phù hợp với điều kiện kinh tế, phong tục của từng địa phương.

Thanh - Nghệ - Tĩnh là vùng đất nổi tiếng nghèo khó nhất cả nước, nhưng cũng là nơi sinh ra các bậc vương tướng (49), nhiều bậc danh hiền (50) xứng đáng là vùng đất có danh tiếng hơn cả Nam Châu. Làm nên danh tiếng ấy không chỉ là bởi sự hội tụ tinh hoa của sông núi mà đó là tinh thần ham học, chăm chỉ đèn sách, luôn lấy việc học hành khoa cử là con đường tiến thân đem lại vinh dự cho gia đình, dòng họ, xóm làng. Vì thế, không chỉ nhà nước, gia đình, dòng họ mà làng xã cũng rất quan tâm đến vấn đề giáo dục, khoa cử Nho học. Với mục tiêu thi đỗ nhằm được đề tên trên bảng vàng (đỗ Tiến sĩ) là một vinh dự rất lớn đối với sĩ tử theo nghiệp "đèn sách Thánh hiền", bởi đỗ càng cao thì càng được xã hội trọng vọng, các Nhà nước quân chủ nói chung, làng xã cổ truyền Việt Nam nói riêng trong đó có làng xã vùng Thanh - Nghệ - Tĩnh rất chú trọng đến việc thực thi các chế độ đãi ngộ động viên cả về vật chất và tinh thần cho người học, người đỗ đạt. Trong đó, phổ biến nhất là các phương thức tổ chức đón rước, ban thưởng tiền, trướng, hoặc hiện vật; miễn lao dịch, phu phen...; tùy theo hạng đỗ cao hay thấp mà có mức thụ hưởng khác nhau.

Tuy nhiên, do điều kiện kinh tế, xã hội của mỗi làng xã trong vùng có khác nhau nên chế độ đãi ngộ của mỗi làng không giống nhau. Hơn nữa hương ước mỗi làng xã soạn trong những thời gian khác nhau nên có làng có rất nhiều điều khoản quy định về các chế độ đối với người học, nhưng có bản hương ước chỉ nhắc đến một, hai điều hoặc nhiều hương ước (nhất là hương ước cải lương) không có điều khoản nào ghi chép về việc học hay chế độ của làng, xã đối với tầng lớp Nho sĩ, những người đỗ đạt. Mặc dù vậy, dù là ít hay không được ghi chép trong Hương ước nhưng hầu hết các làng xã vùng Thanh - Nghệ - Tĩnh đều rất coi trọng việc học. Nhờ có sự quan tâm của làng xã, nhiều sĩ tử từ làng xã Thanh - Nghệ - Tĩnh đã thi đỗ hương cống (Cử nhân), phó bảng, Tiến sĩ, đảm trách nhiều chức vụ cao trong triều ngoài trấn; đã hình thành ở miền quê này nhiều làng khoa bảng, dòng họ khoa bảng nổi tiếng có truyền thống đỗ đạt trong suốt nhiều thế kỷ như họ Hồ (Quỳnh Lưu), họ Nguyễn Trọng (làng Trung Cần); ở Nghệ An. Thanh Hóa cũng nổi tiếng với các làng khoa bảng như làng Đông Biện (nay là làng Bồng Trung, huyện Vĩnh Lộc), làng Bột Thái, Bột Thượng (nay là xã Hoằng Lộc, huyện Hoằng Hoá), làng Cổ Định (huyện Nông Cống), làng Trương Xá (huyện Hậu Lộc), vùng Tào Sơn, Ngọc Đường (Tĩnh Gia), vùng Dành, Hoành (Yên Định); ở Hà Tĩnh có làng Trường Lưu, làng Đông Thái, làng Thu Hoạch (xã Thạch Châu, huyện Lộc Hà),...

CHÚ THÍCH

(1). Tức tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh ngày nay.

(2), (3). Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí,* tập 2, Nxb. Giáo dục, 2008, tr.10, 60.

(4). Đào Tam Tỉnh, *Khoa bảng Nghệ An (1075-1919),* Nxb. Nghệ An, 2005, tr.455, 457.

(5). Trần Văn Thịnh, Trịnh Mạnh, Lê Bá Chức, Nguyễn Thế Long, *Danh sĩ Thanh Hóa và việc học thời xưa,* Nxb. Thanh Hóa, Ban tuyên giáo tỉnh ủy Thanh Hóa, 1995, tr.44 - 79.

(6). Tên gọi Hoan Châu xuất hiện từ thời nhà Tùy năm 598. Đến năm 679 nhà Đường đô hộ nước ta đã đổi Giao Châu thành An Nam đô hộ phủ và chia An Nam ra làm 12 châu trong đó có Diễn Châu và Hoan Châu (bao gồm toàn bộ tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh ngày nay). Trải suốt các triều đại Đinh - Lê - Lý -Trần - Hồ cho đến đầu triều Lê Sơ, Hoan Châu được sử dụng để chỉ miền đất phía Nam Nghệ An đến hết địa phận Hà Tĩnh. Sau này tên gọi Hoan Châu thường được dùng để chỉ vùng đất Nghệ An ngày nay.

(7). Bảo tàng tỉnh Hà Tĩnh, *Văn bia Hà Tĩnh*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2017, tr.160.

(8). Nguyễn Ngọc Nhuận (Cb), *Điển chế pháp luật Việt Nam*, Tập 1, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2011, tr.475.

(9). Nguyễn Đức Thọ, Nguyễn Thúy Nga, Nguyễn Hữu Mùi, *Các nhà khoa bảng Việt Nam 1075-1919,* Nxb. Văn học, Hà Nội, 2006, tr.18. Xem thêm *Văn Miếu - Quốc tử giám và 82 bia Tiến sĩ,* Ngô Đức Thọ khảo cứu, giới thiệu, hiệu đính, Trung tâm Văn miếu Quốc Tử giám xuất bản, Hà Nội, 2002, tr.84.

(10). Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí,* tập 2, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2008, tr.19.

(11). Lê Quý Đôn, *Kiến văn tiểu lục,* Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2007, tr.106-107.

(12). Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê, *Đại Việt sử ký toàn thư,* tập 3, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1993, tr.504.

(13). Hương ước xã Mỹ Phong, huyện Nông Cống, lập năm Thành Thái thứ 13 (1901), in trong *Hương ước Thanh Hóa,* Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2000, tr.170.

(14). Hương ước xã An Tốn Hạ, huyện Vĩnh Lộc soạn năm 1931, in trong *Hương ước Thanh Hóa,* sđd, tr.299.

(15). Hương ước làng Nhân Vực (huyện Hoằng Hóa), in trong *Hương ước Thanh Hóa,* sđd, tr.335.

(16). Hương ước xã Đan Tràng nay là hai xã Xuân Đan, Xuân Trường, huyện Nghi Xuân, soạn năm 1924, bổ sung năm 1933, in trong *Hương ước Hà Tĩnh*, Sở Văn hóa Thông tin Hà Tĩnh, 1996, tr.121.

(17). Hương ước làng Phú Văn, xã Vĩnh Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, soạn năm 1858, in trong *Hương ước Nghệ An,* Nxb. Chính trị Quốc Gia, Hà Nội, 1998, tr.168.

(18). Võ Quang Trọng, Phạm Quỳnh Hương sưu tầm, *Hương ước Hà Tĩnh*, Sở Văn hóa Thông tin Hà Tĩnh, 1996, tr.47.

(19), (22), (25). Hương ước thôn Phú Nghĩa (huyện Quỳnh Lưu), sao lại năm Thành Thái thứ 9 (1897), dẫn trong *Hương ước Nghệ An*, sđd, tr.194.

(20). Hương ước làng An Duệ (huyện Yên Thành), năm sao chép Duy Tân thứ 5 (1911), dẫn trong: *Hương ước Nghệ An*, sđd; tr.207.

(21). Hương ước làng Quỳnh Đôi (Quỳnh Lưu), trong *Hương ước Nghệ An*, sđd; tr.100.

(23). *Quỳnh Đôi hương biên*, Bản chữ Hán, lưu tại thư viện Nghệ An. Dẫn theo Đào Tam Tỉnh, *Khoa bảng Nghệ An (1075-1919),* Nxb. Nghệ An, 2005, tr.43, 44.

(24), (26). Hương ước làng Phú Văn, xã Vĩnh Thành, huyện Yên Thành, trong *Hương ước Nghệ An*, sđd, tr.166.

(27). Hương ước xã Bồng Trung (huyện Vĩnh Lộc, Thanh Hóa), soạn năm Minh Mệnh 14 (1833), trong *Hương ước Thanh Hóa,* sđd, tr.56.

(28). Hương ước làng Thiện Kỵ (thị trấn Hoàng Mai, huyện Quỳnh Lưu), biên soạn năm Thiệu Trị 4 (1844), trong *Hương ước Nghệ An*, sđd, tr.131-132.

(29). Hương ước làng Xuân Lai, xã Đô Thành huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, in trong *Hương ước Nghệ An,* sđd, tr.200.

(30). Hương ước thôn Xa Lý (xã Ngọ Xá, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa) soạn năm 1896, in trong *Hương ước Thanh Hóa,* sđd, tr.140, 141.

(31). Hương ước làng Hào Kiệt (huyện Đông Thành cũ), soạn năm Tự Đức thứ 12 (1859); in trong *Hương ước Nghệ An*, sđd, tr.176.

(32). Hương ước làng Viên Sơn, xã Viên Thành huyện Yên Thành soạn năm Tự Đức thứ 4(1851), sao lại năm Duy Tân thứ 5, 1911, in trong *Hương ước Nghệ An,* sđd, tr.141.

(33), (40), (46). Hương ước làng Phù Lưu Thượng, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, in trong *Hương ước Hà Tĩnh*, sđd, tr.49, 46, 56.

(34). Hương ước thôn Đồng Lương, (huyện Nông Cống, Thanh Hóa) soạn năm 1868, in trong *Hương ước Thanh Hóa*, sđd, tr.170

(35). Hương ước xã Bồng Trung (huyện Vĩnh Lộc, Thanh Hóa), soạn năm Minh Mệnh 14 (1833), in trong *Hương ước Thanh Hóa,* sđd, tr.56.

(36), (43). Hương ước thôn Phú Nghĩa (huyện Quỳnh Lưu), in trong *Hương ước Nghệ An*, sđd, tr.191, 190.

(37). Điều lệ xã Nhân Canh, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, in trong *Hương ước Hà Tĩnh*, sđd, tr.75.

(38). Hương ước xã Mỹ Phong huyện Nông Cống, lập năm Thành Thái thứ 13 (1901), in trong *Hương ước Thanh Hóa,* tr.168.

(39). *Hương ước Nghệ An*, sđd, tr.52.

(41). Trần Văn Thịnh, Trịnh Mạnh, Lê Bá Chức, Nguyễn Thế Long, *Danh sĩ Thanh Hóa và việc học thời xưa,* sđd, tr.138.

(42). Hương ước làng An Lạc, xã Nam Lĩnh, huyện Nam Đàn soạn năm Tự Đức thứ 10 (1857), in trong *Hương ước Nghệ An,* sđd, tr.160.

(44), (45). Võ Quang Trọng, Phạm Quỳnh Hương sưu tầm, *Hương ước Hà Tĩnh*, sđd, tr.10, 73.

(47). Hương ước thôn Xuân Trì xã Sơn An, huyện Hương Sơn, soạn năm 1867, in trong *Hương ước Hà Tĩnh*, sđd, tr.78.

(48). *Văn bia Hà Tĩnh*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2017.

(49), (50). Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí,* tập 1, *Dư địa chí,* Nxb. Giáo Dục, Hà Nội, 2008, tr.47, 62.